TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 105/2024/DS-ST.
Ngày: 26/7/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C , TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Tạo;

Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C , tỉnh Bình Dương:*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng mua bán nợ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty G; địa chỉ: Lầu 5, khối E, tòa nhà G, số 20, đường H, phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 48, Đường số 9, Trung tâm hành chính thành phố A, khu phố Đ, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn H, sinh năm: 2000; hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: Tổ 2, ấp L, xã H, huyện G, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 133A/UQ/GALAXY-QTBD/UQ ngày 07/7/2024) – có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1964; địa chỉ: Số 15, tổ 1, khu phố 3A, phường H, thành phố C , tỉnh Bình Dương – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn H trình bày:

Ngày 24/6/2017, ông Nguyễn T có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 20170621-0007880 với Công ty V (VPB FC) - nay là Công ty V, vay số tiền 69.630.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,33%/tháng, mục đích để tiêu dùng. Theo thỏa thuận, ông T có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi trong thời hạn 36 tháng, mỗi tháng trả 3.350.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 24/7/2017.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty V số tiền gốc và lãi là 36.850.000 đồng. Kể từ ngày 14/6/2018 đến nay, ông T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 29/3/2021, khoản nợ của ông T đã được Công ty V chuyển giao cho Công ty G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Dư nợ của ông T tính đến hết ngày 29/3/2021 là 69.329.567 đồng (nợ gốc: 57.081.775 đồng, nợ lãi: 12.247.792 đồng).

Công ty G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T trả số tiền còn nợ là 69.329.567 đồng (trong đó nợ gốc: 57.081.775 đồng, nợ lãi theo hợp đồng tính đến ngày 29/3/2021: 12.247.792 đồng), yêu cầu thanh toán 01 lần, thanh toán ngay. Công ty G không yêu cầu ông T trả tiền lãi phát sinh sau ngày 29/3/2021.

2. Bị đơn Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 08/7/2024, ông T trình bày:

Ông T xác nhận còn nợ số tiền 69.329.567 đồng (nợ gốc: 57.081.775 đồng, nợ lãi: 12.247.792 đồng) và đồng ý trả cho Công ty G số tiền trên.

3. Tại phiên tòa:

3.1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

3.2. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, có cơ sở xác định ông Nguyễn T còn nợ số tiền 69.329.567 đồng (nợ gốc: 57.081.775 đồng, nợ lãi: 12.247.792 đồng), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền này.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự Nguyễn T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn T thanh toán số tiền 69.329.567 đồng (trong đó: nợ gốc: 57.081.775 đồng, nợ lãi: 12.247.792 đồng).

Bị đơn đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có khả năng thanh toán ngay.

[3] Về hợp đồng tín dụng: Xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì thấy:

Ngày 24/6/2017, ông Nguyễn T có Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Ngày 24/6/2017, Công ty V (VPB FC) - nay là Công ty V phê duyệt cho vay số tiền 69.630.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3,33%/tháng, mục đích để tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông T có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi trong thời hạn 36 tháng, mỗi tháng trả 3.350.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 24/7/2017.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty V số tiền gốc và lãi phát sinh là 36.850.000 đồng (lần thanh toán cuối cùng là ngày 13/6/2018). Dư nợ của ông T tính đến hết ngày 29/3/2021 là 69.329.567 đồng (nợ gốc: 57.081.775 đồng, nợ lãi: 12.247.792 đồng).

Xét, Công ty V (VPB FC) có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên có hiệu lực pháp luật.

[4] Về hợp đồng mua bán nợ:

Ngày 28/12/2018, khoản nợ của ông Nguyễn T được Công ty V chuyển giao cho Công ty G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003 và Biên bản xác nhận khoản nợ đã được mua bán số: 8763/2024/BBXNMBN/GLX DT có nội dung: Xác nhận khoản nợ đã được mua bán của khách hàng Nguyễn T đối với Công ty V phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 20170621-0007880 ngày 24/6/2017 đã được chuyển giao cho Công ty Công ty G theo Hợp đồng mua bán nợ số: VPBFC-GALAXY-21-0003.

Việc mua bán nợ được thực hiện theo quy định của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định: "Bên bán nợ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 2 Điều này".

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: "4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận hoạt động mua nợ; b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân là người cư trú và người không cư trú)".

Tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: "1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ".

Xét thấy về chủ thể mua bán nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: VPBFC-GALAXY-21-0003 ngày 29/3/2021 giữa Công ty Công ty V và Công ty G là phù hợp quy định tại Điều 13 Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về Hợp đồng mua, bán nợ. Do đó, Công ty G có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay và tiền lãi phát sinh, tổng cộng: 69.329.567 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ các nhận định trên, có cơ sở buộc ông Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho Công ty G số tiền gốc đã vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 20170621-0007880 ngày 24/6/2017 tính đến ngày 29/3/2021 là 69.329.567 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 29/3/2021 nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 357, Điều 365, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty G đối với bị đơn ông Nguyễn T về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng mua bán nợ".

Buộc ông Nguyễn T có trách nhiệm trả cho Công ty G số tiền nợ gốc 57.081.775 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 29/3/2021 là 12.247.792 đồng, tổng cộng: 69.329.567 đồng (sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi bảy đồng) theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 20170621-0007880 ký ngày 24/6/2017 giữa Công ty V (VPB FC) - nay là Công ty V với ông Nguyễn Thành Tài.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty G cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn T phải chịu số tiền 3.466.478 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty G 1.733.239 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001150 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C , tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự (hợp nhất số Số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố C ;
- Chi cục THADS thành phố C ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân